

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18-3-2020

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Trần Thanh Thế

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Thiện.

2. Ông Nguyễn Mai Độ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 18 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 389/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Mỹ T**, sinh năm 1994. (*Có mặt*)

Địa chỉ: Ấp A2, xã Th1, huyện L, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Anh **Lê Thanh Th**, sinh năm 1998. (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Khu vực H, phường T, quận M, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/10/2019 và quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ T trình bày:

Năm 2015, chị và anh Lê Thanh Th sau thời gian quen biết đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 01/8/2018 tại Ủy ban nhân dân phường Thới Hòa, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ. Sau khi cưới, chị và anh Th sống chung với gia đình chị nhưng anh Th không lo làm ăn, hay tụ tập bạn bè xấu, chị đã khuyên can nhưng anh Th không sửa đổi nên vợ chồng thường hay cãi nhau, anh Th còn đánh chị và chửi mắng mẹ chị. Đến tháng 5 năm 2019 thì anh Th đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống nên vợ chồng đã ly

thân từ đó cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Th.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị Bích V (nữ, sinh ngày 23/12/2015) và Lê Thiện Đ (nam, sinh ngày 23/12/2016). Chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Đ đến trưởng thành, chị đồng ý giao cháu V cho anh Th nuôi dưỡng đến trưởng thành. Chị và anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ đối với bị đơn anh Lê Thanh Th để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng anh Th vắng mặt nhiều lần không rõ lý do. Do đó, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được nên Tòa án chỉ tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 207 và Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn.
- Bị đơn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Trần Thị Mỹ T và anh Lê Thanh Th tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, có phát sinh mâu thuẫn nên chị T khởi kiện ly hôn, quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Lê Thanh Th đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Th chung sống với nhau từ năm 2015, đến năm 2018 thì đăng ký kết hôn theo quy định. Vợ chồng chung sống hạnh phúc từ khi cưới đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn.

Tại phiên tòa, chị T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Th không lo làm ăn phụ giúp gia đình, thường hay nhậu nhẹt, những lúc say xin anh Th còn đánh chị và chửi mắng mẹ của chị, vợ chồng thường xuyên cãi nhau dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên anh Th đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 5 năm 2019 cho đến nay.

Nay chị không thể tiếp tục chung sống với anh Th nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Th.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc triệu tập anh Th đúng trình tự luật định để tham gia tố tụng tại tòa và có ý kiến đối với hôn nhân của mình nhưng phía anh Th nhiều lần vắng mặt không lý do. Điều đó cho thấy anh Th đã không còn thiết tha gì đến cuộc hôn nhân này, mâu thuẫn giữa các đương sự đã thực sự trầm trọng và cho đến nay không có biện pháp khắc phục, mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Do vậy, yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh Th là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận

[4] Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị T và anh Th có 02 con chung tên Lê Thị Bích V (nữ, sinh ngày 23/12/2015) và Lê Thiện Đ (nam, sinh ngày 23/12/2016). Theo chị T thì cháu V đã sống chung với gia đình bên nội từ nhỏ nên chị đồng ý giao cháu V cho anh Th nuôi dưỡng đến trưởng thành, còn cháu Đ thì đang sống chung với chị nên chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đ đến trưởng thành. Chị không cấp dưỡng nuôi con và chị cũng không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của chị T về việc nuôi dưỡng con chung có đảm bảo các quyền lợi chính đáng của trẻ cũng như không làm xáo trộn cuộc sống của các cháu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Chị T và anh Th được quyền thăm nom con chung; không ai được ngăn cản chị T, anh Th thực hiện quyền này.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, do chị T không có yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Đối với việc cấp dưỡng cho cháu V, do vắng mặt anh Th nên chưa xác định được anh Th có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con hay không, đồng thời, chị T không tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu V nên Hội đồng xét xử tách phần này ra để giải quyết thành vụ án khác khi có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Do anh Th vắng mặt nên chưa xác định được phần tài sản chung và nợ chung của vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết tài sản chung và nợ chung của chị T và anh Th. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị T phải nộp số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ T được ly hôn với anh Lê Thanh Th.

- Về con chung: Giao cháu Lê Thiện Đ (nam, sinh ngày 23/12/2016) cho chị T nuôi dưỡng đến trưởng thành, anh Th không cấp dưỡng nuôi con. Giao cháu Lê Thị Bích V (nữ, sinh ngày 23/12/2015) cho anh Th nuôi dưỡng đến trưởng thành. Tách phần cấp dưỡng nuôi cháu V ra để giải quyết thành vụ án khác khi có yêu cầu.

Anh Th, chị T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung; không ai được ngăn cản anh Th, chị T thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Mỹ T phải nộp số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), chuyển số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 010707 ngày 19/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn thành án phí (công nhận chị T đã nộp án phí xong).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- UBND P.Thới Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Trần Thanh Thế

